

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu:

Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối đường tỉnh 296, được đầu tư xây dựng gồm:

Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối với đường tỉnh 296 thuộc địa bàn xã Hợp Thịnh, có chiều dài 4,742Km. Điểm đầu giao với ĐT296 tại Km7+830 (lý trình đường ĐT296; Điểm cuối giao với ĐT296C tại Km9+450 (lý trình đường ĐT296C). Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 24/3/2025.

(Theo Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh về việc phê duyệt dự án: Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối đường tỉnh 296.

Phạm vi đầu tư thuộc địa bàn tại các thôn: Đại Mão, Hà Nội, Bảo Tân, Hữu Định và Thù Sơn xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Tuyển chọn nhà thầu để thực hiện Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt, dự án: Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối đường tỉnh 296.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày - người cần thiết (nếu có).

1.1. Thực hiện Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt, dự án: Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối đường tỉnh 296, bao gồm nội dung sau:

1.1.1. Quy mô dự án:

Dự án: Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối với đường tỉnh 296 thuộc địa bàn xã Hợp Thịnh, có chiều dài 4,742Km. Điểm đầu giao với ĐT296 tại Km7+830 (lý trình đường ĐT296; Điểm cuối giao với ĐT296C tại Km9+450 (lý trình đường ĐT296C). Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 24/3/2025.

Phân kỳ đầu tư giai đoạn này thực hiện giải phóng mặt bằng đúng theo mặt cắt quy hoạch (mặt cắt 7-7), vận tốc thiết kế $V_{tk} = 40$ km/h, gồm các hạng mục: nền, mặt đường; hệ thống thoát nước; an toàn giao thông; chiếu sáng; giải phân cách giữa; di dời, dịch chuyển và đấu nối hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm tính kết nối liên tục, hiệu quả và tiết kiệm, như sau:

- Đoạn 1: Từ Km0+00 đến Km0+967, bám trên nền đường hiện trạng đi qua khu vực trạm biến áp Sơn La- Hiệp Hòa, ưu tiên đầu tư tối đa diện tích mặt đường theo quy hoạch, đảm bảo an toàn giao thông và yêu cầu kỹ thuật của ngành Điện: Chiều rộng nền đường $B_n=16,0m$; Chiều rộng mặt đường $B_m= 2x7,50m=15,0m$; Chiều rộng lề đường $B_l= 2x0,50 = 1,0m$;

- Đoạn 2: Từ Km 0+967 đến Km 4+800, quy mô mặt cắt ngang: Chiều rộng nền đường $B_n=18,0m$; Chiều rộng mặt đường $B_m=17,0m$; Chiều rộng lề đường $B_l= 2x0,50 = 1,0m$.

- Kết cấu nền, mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa (BTN) rải nóng trên móng cấp phối đá dăm, nền đất đầm chặt K98, K95, bảo đảm độ bền, ổn định và an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

1.1.2. Giải pháp thiết kế

a) *Bình đồ tuyến*: Bình đồ tuyến được thiết kế đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn của cấp đường thiết kế, phù hợp với điều kiện mặt bằng thực tế, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng. Hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến đã duyệt trong quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2045 (tỷ lệ 1/10.000) được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 24/3/2025 Điểm đầu giao với ĐT296 tại Km7+830 (lý trình đường ĐT296), thuộc địa phận thôn Hà Nội; Điểm cuối giao với ĐT296C tại Km9+450 (lý trình đường ĐT296C), thuộc địa phận thôn Thù Sơn. Tổng chiều dài tuyến $L=4,742Km$, cụ thể như sau:

+ *Đoạn 1*: Từ Km0+00 đến Km0+964,02, bám trên nền đường hiện trạng đi qua khu vực trạm biến áp Sơn La - Hiệp Hòa thuộc địa phận thôn Hà Nội.

+ *Đoạn 2*: Từ Km0+964,02 đến Km4+742,35, tìm tuyến bám sát quy hoạch. Tuyến chủ yếu qua khu vực đất nông nghiệp thuộc địa phận thôn Đại Mão, Hữu Định, Thù Sơn.

b) *Trắc dọc*: Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hòa với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; Cao độ thiết kế cơ bản phù hợp theo cao độ quy hoạch, tính toán thủy văn nền đường và điều kiện địa hình khu vực tuyến đi qua. Các điểm khống chế cao độ gồm cao độ đầu tuyến ĐT296, các điểm khống chế theo tính toán thủy văn tần suất 4% và cao độ cuối tuyến giao ĐT296C

c) *Trắc ngang*

Đoạn 1: Từ Km 0+00 đến Km0+964,02, bám trên nền đường hiện trạng đi qua khu vực trạm biến áp Sơn La - Hiệp Hòa thuộc địa phận thôn Hà Nội, quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 16,0m$;
- Chiều rộng mặt đường $B_m = 2x7,50m=15,0m$;
- Chiều rộng lề đường $B_l = 2x0,50m = 1,0m$;
- Độ dốc ngang mặt $i = 2\%$, dốc lề đất $i=6\%$.
- Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5; nền đào 1/1.

Đoạn 2: Từ Km0+964,02 đến Km4+742,35, tìm tuyến bám sát quy hoạch. Tuyến chủ yếu qua khu vực đất nông nghiệp thuộc địa phận thôn Đại Mão, Hữu Định, Thù Sơn, quy mô mặt cắt ngang như sau:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 28,0m$;
- Chiều rộng mặt đường $B_m = 2x7,75m=15,50m$;
- Chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc} = 1,50m$;

- Chiều rộng lề đường $B_1 = 2 \times 0,50\text{m} = 1,0\text{m}$;
- Độ dốc ngang mặt $i = 2\%$, dốc lề đất $i = 6\%$.
- Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5; nền đào 1/1.

d) Nền đường

Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày trung bình khoảng 20cm; đối với các đoạn tuyến qua ao, hồ, mương máng chiều sâu đào bỏ lớp bùn tối thiểu khoảng 1,0m; sau đó đắp thay thế bằng đất lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, đắp hè đường đắp $K \geq 90\%$; riêng lớp đất đắp dày 50cm đối với nền đường đắp và 30cm đối với nền đường đào bên dưới kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$.

Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền đến đáy lớp kết cấu áo đường; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ với giải pháp xáo xới lu lèn hoặc thay bằng lớp vật liệu đủ tiêu chuẩn (*nếu đất nền không bảo đảm*). Sau khi đào đến đáy cao độ lớp K98 tiến hành kiểm tra lớp đất ngay dưới nếu lớp đất nền hiện tại không đạt độ chặt yêu cầu K95 thì cần xáo xới sâu 30cm, lu lèn đến khi đạt độ chặt K95 hoặc đào thay (*nếu đất nền không đảm bảo*).

e) Mặt đường: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 (TCCS 38:2022/TCĐBVN); mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$. Kết cấu mặt đường gồm các lớp kết cấu từ trên xuống dưới như sau:

- *Kết cấu mặt đường làm mới - KC1*
- + Lớp mặt BTN C16 dày 5cm;
- + Lớp dính bám nhũ tương gốc axit tiêu chuẩn 0,5kg/m²;
- + Lớp mặt BTN C19 dày 7cm;
- + Lớp dính bám nhũ tương gốc axit tiêu chuẩn 1,0kg/m²;
- + Lớp móng trên bằng CPĐD loại I dày 17cm ($D_{\max} = 25\text{mm}$); + Lớp móng dưới bằng CPĐD loại II dày 30cm ($D_{\max} = 37.5\text{mm}$); + Đắp đất $K \geq 0,98$ dày 50cm.
- *Kết cấu mặt đường tăng cường - KC2*
- + Lớp mặt BTN C16 dày 5cm;
- + Lớp dính bám nhũ tương gốc axit tiêu chuẩn 0,5kg/m²; + Bù vênh bằng BTN C16.

- *Kết cấu mặt đường tăng cường - KC3*

1.1.3. Nội dung công việc khảo sát

- Để tránh lãng phí kinh phí đầu tư: Tận dụng tối đa số liệu, hồ sơ khảo sát địa chất, địa hình, thiết kế của bước Thiết kế lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được phê duyệt;

- Khảo sát địa hình bổ sung bước thiết kế xây dựng triển khai sau bước thiết kế cơ sở (*trên cơ sở số liệu của bước khảo sát địa chất xây dựng lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã phê duyệt*), khảo sát bổ sung chi tiết các vị trí giao cắt của dự án với các tuyến đường đang thực hiện, một số vị trí thoát nước, ... đảm bảo phù hợp thiết kế, lập dự toán:

a) Điều tra, thu thập các tài liệu liên quan đến dự án: Thu thập tài liệu quy hoạch như: Quy hoạch chi tiết Đường trục xã từ Hòa Sơn - Quang Minh - Đại Thành cũ nối đường tỉnh 296; Quy hoạch giao thông của huyện Hiệp Hòa đến năm 2030; Quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội huyện Hiệp Hòa đến năm 2030; Quy

hoạch các điểm dân cư, công trình công cộng; Quy hoạch hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, thông tin.... Điều tra tình hình phát triển kinh tế, VHXH của địa phương.

b) *Xác định chi tiết vị trí địa lý, hạng mục công trình:* Xác định chi tiết vị trí của các hạng mục công trình dự kiến đầu tư xây dựng; vị trí điểm đầu và điểm cuối các nút theo quy hoạch xây dựng, ranh giới dự án, kế thừa toàn bộ số liệu khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

c) *Điều tra, khảo sát đặc điểm điều kiện tự nhiên của khu vực xây dựng, và chi tiết các hạng mục của dự án.*

(1)*Khảo sát phân đường:*

- Lập lưới khống chế mặt bằng, cao độ hạng IV: Tận dụng các mốc được lập tại bước Báo cáo nghiên cứu khả thi và bổ sung đảm bảo mật độ mốc theo quy chuẩn khảo sát hiện hành.

- Lưới đường chuyên cấp 2 và cao độ kỹ thuật: Tận dụng hệ đường chuyên và mốc cao độ được lập tại bước Báo cáo nghiên cứu khả thi, tiến hành kiểm tra khôi phục lại.

- Khảo sát bình đồ tuyến: Xác định hướng, đo vẽ bình đồ tuyến, phạm vi đo vẽ rộng khoảng 30m (mỗi bên 30m tính từ tim tuyến trở ra). Bình đồ tuyến được đo vẽ với tỉ lệ 1/1.000, bước đường đồng mức 1,0m.

- Khảo sát trắc dọc tuyến: Đo mặt cắt dọc theo chiều dài công trình. Trên mặt cắt dọc cần thể hiện rõ, vị trí và khoảng cách các cọc cắt ngang, các điểm đầu tuyến và điểm cuối tuyến công trình; Phía dưới bản vẽ cắt dọc phải sơ họa các công trình trên tuyến, đường, nhà cửa, các địa vật khác nằm trong khu vực đo vẽ. Trung bình khoảng 15-20m có một điểm cắt dọc, nếu địa hình thay đổi phải đo theo sự biến đổi của địa hình. Bước BCNCKT đã đo vẽ trắc dọc tuyến dựa trên bình đồ tuyến tỷ lệ 1/5000, tuy nhiên bước thiết kế BVTC cần bổ sung thêm cọc chi tiết theo quy định vì vậy cần đo vẽ cập nhật lại số liệu cắt dọc.

- Khảo sát trắc ngang: Đo vẽ địa hình mặt cắt ngang tại các cọc chi tiết đã cắm trên trắc dọc, phạm vi đo vẽ khoảng 40m (mỗi bên 20m tính từ tim tuyến sang 2 bên). Trắc ngang được đo vẽ với tỉ lệ 1/200.

- Khảo sát nút giao, đường giao dân sinh: Tiến hành đo vẽ bình đồ các nút giao tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m; phạm vi đo vẽ mỗi nhánh khoảng 150m; từ tim nhánh đo vẽ về mỗi bên 20m. Đo vẽ trắc dọc, trắc ngang các nhánh nút trong phạm vi; tỷ lệ đo vẽ trắc dọc 1/1000; 1/100 và tỷ lệ đo vẽ trắc ngang 1/200; phạm vi đo vẽ trắc ngang từ tim ra mỗi bên 15m;

- Khảo sát công trình cống: Đo vẽ các cống lớn trên tuyến bao gồm các công tác đo vẽ mặt cắt dọc, đo vẽ hiện trạng mương cũ, kênh thủy lợi..... thống nhất khẩu độ cống với địa phương hoặc cơ quan quản lý thủy lợi về khẩu độ cống.

- Khảo sát các công trình, điểm khống chế cao độ, công trình lân cận có liên quan...; Thu thập tài liệu về các công trình hạ tầng như: Đường điện, thông tin liên lạc, thủy lợi vv... có liên quan đến thiết kế, thực hiện dự án.

(2)*Khảo sát về khí hậu:* Thu thập các số liệu về khí hậu khu vực bao gồm: phân vùng khí hậu, nhiệt độ cao nhất và thấp nhất, nhiệt độ trung bình, lượng mưa bình quân, độ ẩm, hướng gió chủ đạo vv...

(3)*Điều tra thủy văn*: Xác định vị trí các dòng chảy của dự án, mặt bằng bố trí các hạng mục công trình, từ đó bố trí các công trình thoát nước mưa phục vụ yêu cầu thoát nước thủy văn lưu vực. Mục nước lũ lớn nhất, mục nước thường xuyên, các lưu vực tạo các dòng chảy ngang. Đánh giá ảnh hưởng của chế độ thủy văn đến tuyến đường sẽ được xây dựng.

(4)*Khảo sát địa chất*: Thu thập tài liệu, nghiên cứu các văn bản phê duyệt tại bước nghiên cứu khả thi và đề xuất bổ sung vị trí các hố khoan đảm bảo phản ánh đầy đủ địa chất cho nền đường thông thường, nền đất yếu và các công trình công lớn thuộc dự án;

- Đối với nền đường thông thường: Tập dụng các lỗ khoan thực hiện và bổ sung các lỗ khoan xen kẽ với bước BCNCKT các lỗ khoan công hợp sao cho các lỗ khoan cách nhau trung bình khoảng 500m, chiều sâu lỗ khoan dự kiến 7m/1 lỗ khoan, lấy mẫu thí nghiệm với cự ly 2m/1m mẫu, các lỗ khoan được bố trí trên cạn.

- Đối với nền đường đất yếu: Theo hồ sơ địa chất thực hiện tại bước BCNCKT có 02 đoạn tuyến phân bố nền đất yếu; Công tác khoan thăm dò ĐCCT bằng các lỗ khoan bố trí cách nhau thông thường từ 50m đến 100m trên tim tuyến bao gồm cả khối lượng lỗ khoan đã tiến hành ở bước BCNCKT. Tiến hành khoan 1 mặt cắt ngang ĐCCT tại đoạn nền xử lý đất yếu bằng phương pháp đào thay đất trên đó có 02 vị trí khoan thăm dò (2 bên vai đường). Chiều sâu lỗ khoan đến hết chiều sâu lớp đất yếu hoặc vùng ảnh hưởng lún, lấy mẫu với cự ly 2m/1 mẫu, thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVST) trong tầng đất mềm, yếu với mật độ 2m/1 điểm.

(5)*Khảo sát các công trình có liên quan*: Thu thập tài liệu về các công trình hạ tầng như đường điện, thông tin liên lạc, thủy lợi vv... có

(6)*Khảo sát mặt đường cũ*: Nội dung khảo sát nền, mặt đường gồm: Đánh giá tình trạng đường làm cơ sở đề xuất giải pháp xử lý, đo độ vòng xác định moduyn đàn hồi của mặt đường bằng cần Benkelman mật độ 20 điểm đo/ 1 km, đo rải đều và so le, đào hồ kết cấu để xác định loại, bề dày của các lớp kết cấu mặt đường.

(7)*Khảo sát và nội nghiệp hồ sơ phục vụ công tác GPMB, (chiếm tỷ lệ tạm tính 20% khối lượng khảo sát, thiết kế khả thi)*: Thống kê các công trình, kiến trúc, thành phần cơ cấu đất, chủ thể sở hữu đất trong phạm vi thiết kế, xác định giá trị GPMB, thuyết minh cầu phần liên quan đánh giá tác động môi trường, phương án GPMB và trích lục bản đồ địa chính làm cơ sở tài liệu xin giao đất.

(8)*Một số lưu ý trong số liệu khảo sát*: Nhiệm vụ, phạm vi, danh giới thí nghiệm, khảo sát đã tính toán đến khả năng trong thực tiễn khi thực hiện phải vi chỉnh, điều chỉnh cục bộ tuyến, toàn tuyến, số liệu khảo sát phải chính xác, có cơ sở khoa học phục vụ trong thiết kế và điều chỉnh thiết kế (nếu có).

(Nội dung khác theo nhiệm vụ khảo sát, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở)

1.2. Nội dung nhiệm vụ lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Nội dung thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Công trình được nghiên cứu thiết kế hợp lý về quy hoạch, đẹp về kiến trúc, tiện dụng về công năng, hiện đại về trang thiết bị, thống nhất, gắn bó hài hoà với tổng thể

cảnh quan kiến trúc khu vực lân cận, đáp ứng theo đúng các tiêu chuẩn về xây dựng, giáo dục hiện hành và nhu cầu dạy và học của nhà trường.

- Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đảm bảo phù hợp với phê duyệt dự án được Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh phê duyệt tại Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 05/12/2025; Quyết định số 07/QĐ-VP của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở bảo đảm thể hiện được các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai các bước thiết kế tiếp theo.

b. Xác định tổng dự toán xây dựng công trình:

- Nội dung xác định dự toán xây dựng công trình: Thực hiện theo Điều 11, Điều 12, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình: Thực hiện theo Điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Xác định dự toán xây dựng công trình cần phải nghiên cứu tính toán kỹ để đưa ra mức đầu tư phù hợp, sát với thực tế và phải tính toán kỹ đến yếu tố trượt giá để đảm bảo quá trình thực hiện không vượt tổng mức đầu tư.

c) Nội dung của hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở: Thực hiện theo Điều 78, 79, 80 của Luật Xây dựng 2014. Điều 36, 37, 38, 39, 40 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (*Thuyết minh, Bản vẽ thiết kế BVTC và dự toán...*)

d) Yêu cầu cụ thể:

* Các giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Thích ứng với các nhu cầu sắp xếp khác nhau, có khả năng chuyển đổi linh hoạt, có không gian rộng thoáng, bố cục mở để tăng hiệu quả không gian nội thất của công trình.

- Sử dụng hợp lý an toàn, không phá vỡ cấu trúc và độ bền vững của công trình, đảm bảo yêu cầu vệ sinh và điều kiện vi khí hậu.

- Hình thức kiến trúc công trình phải hiện đại, trang trọng, đặc sắc, không gian hài hòa thân thiện với con người và thiên nhiên.

* Các giải pháp kỹ thuật:

- Tất cả các hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị cho công trình như hệ thống thang bộ, hệ thống điện, ánh sáng, thông tin liên lạc, an ninh, phòng cháy chữa cháy...đảm bảo

hiện đại, đồng bộ, tiên tiến, an toàn cao, phù hợp với tiêu chuẩn chung và đảm bảo tính kinh tế trong đầu tư, vận hành và bảo trì.

- Kết cấu công trình: Hiện đại, an toàn, bền vững, bảo đảm tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu về tổ chức không gian và thẩm mỹ kiến trúc.

- Cấp điện và chiếu sáng: Đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định và an toàn cho toàn bộ công trình. Các thiết bị điện phải hiện đại, đồng bộ và an toàn. Có giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng hợp lý ánh sáng tự nhiên.

- Hệ thống điều hoà không khí: Để điểm chờ đầu nối điều hoà...

- Cấp, thoát nước: Nguồn nước cấp từ mạng lưới chung khu vực, đảm bảo cung cấp cho tất cả các hoạt động đồng thời 24giờ/ngày; có téc nước dự phòng. Hệ thống thoát nước riêng, được xử lý trước khi thoát ra mạng công cộng.

- Các hệ thống cần thiết khác: Toàn bộ các hệ thống kỹ thuật nêu trên yêu cầu thiết kế, sử dụng thiết bị đồng bộ, chất lượng cao, công nghệ hiện đại, có một bộ phận kỹ thuật chỉ huy điều hành.

- Tính toán thiết kế giải pháp hoàn thiện: Hoàn thiện toàn bộ mặt ngoài trát lẫn sơn, lan can ban công, cổng tường rào, tất cả các cửa sổ và cửa đi. Bên trong hoàn thiện cấp điện, cấp nước, lan can cầu thang, không trát, ốp lát phòng vệ sinh, không làm trần trang trí.

* Các yêu cầu về kinh tế:

- Sử dụng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tiên tiến.

- Chi phí hợp lý để công trình có chất lượng cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra, đảm bảo sự hợp lý giữa chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành, bảo trì công trình.

* Yêu cầu về lập dự toán

- Xác định chính xác khối lượng, đơn giá, mã hiệu định mức, tổng hợp kinh phí, của tất cả các công tác, hạng mục.

- Từ bản vẽ thiết kế và biên pháp thi công xác định khối lượng công việc giá trị và các chi phí có liên quan.

- Công tác lập dự toán phải dựa trên các qui định hiện hành và các yêu cầu của Chủ đầu tư trong quá trình thiết kế.

- Bóc tách tiên lượng tất cả các khối lượng công việc của các hạng mục, xác định đơn giá phù hợp với tính toán thành tiền cho các công việc này, tính toán chi phí khác và tổng hợp chi phí xây dựng hạng mục.

- Bóc tách khối lượng phải đảm bảo khối lượng đầy đủ so với bản vẽ thiết kế, không thừa, không bỏ sót các công việc thực hiện kể cả các công việc nằm trong biên pháp thi công, các qui định về đơn giá, chính sách thuế, các chi phí phải được cập nhật tại thời điểm lập dự toán.

- Nhà thầu tư vấn sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và phải đền bù 100% tổn thất (*bằng giá trị thừa, thiếu*) khi phát hiện lập dự toán sai lệch và chịu khoản phạt theo quy định Pháp luật.

* Chi phí để lập hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đã bao gồm các phí chuyên gia, khảo sát, thu thập thông tin và các vấn đề điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Chủ trương, bước Thiết kế đã được duyệt.

* Nội dung và quy cách hồ sơ:

- Hồ sơ thiết kế phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải được thể hiện trên các bản vẽ theo quy định. Hồ sơ thiết kế phải thể hiện được các khối lượng các công tác xây dựng để làm cơ sở xác định chi phí xây dựng công trình.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công bao gồm:

+ Thuyết minh: Phải giải thích đầy đủ các nội dung mà bản vẽ không thể hiện được.

+ Bản vẽ: Phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và các thông số kỹ thuật để thi công chính xác và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình, các bản vẽ mặt đứng, mặt cắt và các bản vẽ chi tiết kiến trúc, kết cấu, phải thể hiện rõ ràng, đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật theo quy định

+ Dự toán: Theo đơn giá, định mức, thông tư hướng dẫn hiện hành của của Nhà nước và tỉnh Bắc Giang

+ Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên và được thể hiện theo các tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng hiện hành. Trong khung tên của từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng.

+ Các thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ thiết kế theo khuôn khổ thống nhất có danh mục, đánh số, ký hiệu, để tra cứu và bảo quản lâu dài

+ Giá thành hợp đồng đã bao gồm các kinh phí in, gửi tài liệu trình chiếu, thẩm tra, thẩm định và nộp sản phẩm đã được duyệt tối thiểu 12 bộ tài liệu.

1.3. Nguồn vốn: Ngân sách xã, cấp trên hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.4. Cơ quan thực hiện dự án: Văn phòng HĐND và UBND xã Hợp Thịnh.

1.5. Tiến độ thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực, trong đó:

(1) 25 ngày, Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ khối lượng, hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, đủ điều kiện trình cơ quan chuyên môn thẩm tra, thẩm định.

(2) 5 ngày, Nhà thầu phối hợp với các cơ quan thẩm tra, thẩm định để chỉnh sửa hồ sơ theo ý kiến cơ quan thẩm tra, thẩm định, có bộ hồ sơ đủ điều kiện để phê duyệt, có kết quả thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

2. *Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn. Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia:*

Thực hiện theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND xã Hợp Thịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt dự án.

2.1. Nhiệm vụ cụ thể: Tổ chức triển khai công việc Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán xây dựng đảm bảo theo đúng tiến độ của hợp đồng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thiết kế hiện hành và phù hợp với quy mô dự án, nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt;

- Nhà thầu thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Thực hiện lập quy trình bảo trì công trình xây dựng;

- Nhà thầu căn cứ vào khối lượng công việc lập thiết kế bản vẽ thi công dự toán cần thực hiện để tính toán toàn bộ chi phí chuyên gia thực hiện tất cả các công việc cho gói thầu.

2.2. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:

- Sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo qui định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu liên quan, quy trình bảo trì công trình.

- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với E-HSMT của chủ đầu tư đặt ra.

- Bản vẽ phải thể hiện chi tiết các bộ phận của công trình, các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để thi công và lập dự toán xây dựng công trình.

- Dự toán công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ chính sách qui định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình. Bảng dự toán công trình phải chính xác đầy đủ đúng theo bản vẽ thiết kế thi công, nếu có khối lượng phát sinh do tính toán sai dẫn đến làm tăng chi phí thì bên thiết kế phải bồi thường 100% chi phí do lập dự toán tính thiếu.

- Nhà thầu phải nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

- Nhà thầu không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế .

- Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 12 bộ, và 01 bộ bằng file điện tử đọc được bằng những phần mềm tạo ra sản phẩm đó.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV:

Thời gian dự kiến hoàn thành trong Quý I, năm 2026, Thời gian thực hiện 30 ngày

Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay khi Hợp đồng có hiệu lực. Nhân sự bố trí như nhà thầu kê khai trong E-HSMT, trường hợp thay thế phải có sự chấp thuận của chủ đầu tư và đảm bảo theo nguyên tắc nhân sự được thay thế có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn bằng hoặc cao hơn nhân sự đề xuất trong E-HSMT

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Các báo cáo phải nộp:

In ấn 12 bộ hồ sơ (gồm thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục, dự toán công trình, thuyết minh...) và toàn bộ file (thiết kế BVTC, dự toán công trình) cho Chủ đầu tư.

Khi nhận được các ý kiến của Chủ đầu tư và ý kiến của đơn vị thẩm định, TVTK sẽ giải trình các vấn đề liên quan trước cơ quan thẩm định và các cơ quan chức năng khác đồng thời sửa đổi những ý kiến hợp lý để hoàn thiện hồ sơ làm cơ sở cho Chủ đầu tư phê duyệt.

2. Tiến độ nộp báo cáo: Sau 05 kể từ ngày có kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

Tạo điều kiện tốt nhất có thể về giấy phép làm việc, thủ tục thuế... để nhà thầu thực hiện công việc của mình.

Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoản thời gian 03 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.

Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

